TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN
TRUNG TÂM TIN HỌC

BẢNG ĐIỂM HỌC VIÊN DỰ THI ĐỢT THÁNG 04/2023
CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CNTT CHUẨN NÂNG CAO

Thời gian: 17h45 * Ngày thi: 05/05/2023

Ghi chú: Các học viên có kết quả "Không đạt" phải tự theo dõi lịch thi các đợt tiếp theo và đăng ký thi lại các phần thi được tô màu đỏ(không đạt phần thi nào thì thi lại phần thi đó). Phần Cơ bản không đạt sẽ bị hủy điểm thi phần Nâng cao theo đúng nội dung thông báo.

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ	TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	LỚP	ĐIỂM THI			GHI CHÚ
							KTC	THUD	KẾT QUẢ	
1	25203310611	Hoàng Thị Nam	An	05/10/2001	Quảng Trị	28TYC11	10.0	6.0	Đạt	
2	26212136091	Quảng Trọng	Bảo	11/01/2002	Quảng Ngãi	28TYC11	8.0	5.1	Đạt	
3	25207204534	Trương Hoàng Linh	Chi	20/06/2001	Đà Nẵng	28TYC11	10.0	5.8	Đạt	
4	26212932260	Nguyễn Lê Anh	Duy	19/12/2002	Quảng Nam	28TYC11	10.0	9.0	Đạt	
5	25202917582	Đoàn Thị Hồng	Gấm	02/01/2001	Quảng Trị	28TYC11	6.7	8.0	Đạt	
6	25205111911	Lê Thị	Hồng	28/08/2001	Nghệ An	28TYC11	9.0	5.1	Đạt	
7	24213203530	Trịnh Minh	Huy	24/10/2000	Đà Nẵng	28TYC11	10.0	7.0	Đạt	
8	26217130151	Võ Nguyễn Gia	Huy	02/12/2002	Quảng Nam	28TYC11	7.7	5.5	Đạt	
9	26212136270	Nguyễn Hào	Kiệt	13/06/2002	Đà Nẵng	28TYC11	8.3	8.0	Đạt	
10	25203302814	Nguyễn Thị	Ly	06/11/2001	Quảng Ngãi	28TYC11	6.3	5.0	Đạt	
11	25207212702	Đỗ Thị	Mai	17/03/2001	Quảng Nam	28TYC11	7.7	7.5	Đạt	
12	25207204522	Lê Thị Hướng	Minh	29/06/2001	Đà Nẵng	28TYC11	8.3	8.5	Đạt	
13	25207207588	Nguyễn Ngọc Trà	My	11/02/2001	Bình Định	28TYC11	6.3	5.5	Đạt	
14	26217125586	Nguyễn	Ngọ	25/07/2002	Thừa Thiên H	28TYC11	8.3	9.0	Đạt	
15	25205203720	Nguyễn Lê Uyên	Nhi	10/02/2001	Gia Lai	28TYC11	7.3	7.8	Đạt	
16	26207220362	Lê Thị Diễm	Quỳnh	18/07/2002	Quảng Trị	28TYC11	9.7	7.5	Đạt	
17	25207213934	Dương Thị Thanh	Sang	15/01/2001	Quảng Trị	28TYC11	9.0	7.0	Đạt	
18	25207109377	Nguyễn Thị Kim	Thảo	30/09/2001	Đak Lak	28TYC11	8.7	6.0	Đạt	
19	25203314597	Nguyễn Công Nữ Minh	Thư	17/09/2001	Quảng Trị	28TYC11	8.7	7.5	Đạt	
20	26202134218	Đỗ Thị Anh	Thư	04/07/2002	Quảng Bình	28TYC11	9.7	10.0	Đạt	
21	25207207769	Châu Thị Ngọc	Trí	20/01/2001	Quảng Ngãi	28TYC11	8.3	6.3	Đạt	
22	25202104593	Võ Bảo	Trinh	14/05/2001	Đà Nẵng	28TYC11	8.3	10.0	Đạt	
23	26207132129	Lê Thị Thảo	Vi	12/03/2002	Quảng Trị	28TYC11	9.0	7.8	Đạt	
24	26212135938	Đặng Chí	Vỹ	29/09/2002	Quảng Nam	28TYC11	8.7	8.0	Đạt	
25	24211709040	Vũ Thành	Chung	11/06/2000	Quảng Ngãi	29CBN1	7.7	5.3	Đạt	
26	24211815620	Phạm Lâm Thành	Đạt	26/03/2000	Đà Nẵng	29CBN1	8.7	7.5	Đạt	
27	25212210482	Nguyễn Mai	Đức	07/12/1998	Đà Nẵng	29CBN1	V	V	Không Đạt	
28	26207130971	Trần Thị Mỹ	Duyên	20/05/2002	Đắk Lắk	29CBN1	6.3	3.8	Không Đạt	
29	25203109997	Nguyễn Thị Nguyệt	Hà	17/11/2001	Đắk Lắk	29CBN1	6.0	7.3	Đạt	
30	25203515934	Nguyễn Đỗ Vũ	Hà	05/11/2001	Quảng Nam	29CBN1	8.0	9.3	Đạt	
31	25203509786	Nguyễn Thị Thanh	Hằng	09/07/2001	Quảng Nam	29CBN1	9.7	7.1	Đạt	
32	26202142037	Võ Thị Ngọc	Hương	30/04/2002	Đà Nẵng	29CBN1	7.0	2.8	Không Đạt	

Ghi chú: Các học viên có kết quả "Không đạt" phải tự theo dõi lịch thi các đợt tiếp theo và đăng ký thi lại các phần thi được tô màu đỏ(không đạt phần thi nào thì thi lại phần thi đó). Phần Cơ bản không đạt sẽ bị hủy điểm thi phần Nâng cao theo đúng nội dung thông báo.

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ	TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	LỚP	ĐIỂM THI			GHI CHÚ
							KTC	THUD	KẾT QUẢ	
33	25212112195	Nguyễn Công	Khải	24/11/2001	Khánh Hòa	29CBN1	6.3	1.0	Không Đạt	
34	26202432117	Võ Thị Bích	Lan	13/04/2002	Quảng Nam	29CBN1	6.0	5.3	Đạt	
35	25203110021	Nguyễn Thị Thanh	Ngân	23/04/2001	Đà Nẵng	29CBN1	7.7	6.3	Đạt	
36	25207116191	Nguyễn Kim	Ngân	03/12/2001	Quảng Nam	29CBN1	V	V	Không Đạt	
37	25207213000	Hoàng Thị Kiều	Ngân	27/10/2001	Thừa Thiên H	29CBN1	9.0	9.5	Đạt	
38	26207126339	Châu Nguyễn Hồng	Phúc	21/07/2002	Bình Định	29CBN1	5.0	0.8	Không Đạt	
39	25203113813	Huỳnh Thị Mỹ	Quyên	06/06/2001	Đà Nẵng	29CBN1	8.0	7.5	Đạt	
40	26207133359	Đào Thị Lệ	Quyên	30/11/2002	Thái Bình	29CBN1	3.3	2.1	Không Đạt	
41	26207142679	Lê Trà Tố	Quyên	19/08/2002	Quảng Nam	29CBN1	8.3	6.0	Đạt	
42	25212208639	Trương Đình	Thành	03/11/2001	Kon Tum	29CBN1	6.3	5.3	Đạt	
43	26202435104	Hà Thị	Tịnh	28/11/2002	Quảng Nam	29CBN1	8.0	5.5	Đạt	
44	25203116553	Trương Thị Kim	Trà	13/07/2001	Quảng Nam	29CBN1	4.0	3.3	Không Đạt	
45	25203108274	Bùi Mai	Trâm	08/08/2001	Quảng Nam	29CBN1	8.3	8.5	Đạt	
46	25202110019	Trần Thị Thu	Trang	05/11/2001	Đà Nẵng	29CBN1	4.7	5.3	Không Đạt	
47	25205105719	Trịnh Quỳnh	Trang	25/07/2001	Gia Lai	29CBN1	8.7	9.0	Đạt	
48	25218700318	Nguyễn Văn	Vinh	20/11/1998	Nghệ An	29CBN1	5.0	5.0	Đạt	
49	26207200578	Nguyễn Lê	Vy	22/07/2002	Đắk Lắk	29CBN1	4.0	2.3	Không Đạt	
50	26207121430	Nguyễn Thị Kim	Xuyến	17/11/2002	Đắk Lắk	29CBN1	9.3	3.3	Không Đạt	
51	25207104519	Nguyễn Thị Trà	Anh	19/02/2001	Quảng Ngãi	28CHT3	7.3	2.8	Không Đạt	
52	26217142023	Đào Anh	Dũng	16/11/2002	Đà Nẵng	28SBN4	6.3	5.8	Đạt	

TRUNG TÂM TIN HỌC

GIÁM ĐỐC

(Đã ký)

Dương Trương Quốc Khánh